TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017
"V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị N và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Đương.
Ông Nguyễn Bỉnh Khiêm.
- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1990 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2017, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị và anh Trần Văn P có xác lập quan hệ hôn nhân, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống vợ chồng bất đồng ý kiến, anh P không lo làm ăn, nhiều lần anh P đuổi chị ra khỏi nhà nên chị lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, anh P vẫn không sửa đổi, vợ chồng ly thân từ năm 2014. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Trần Lâm Ngọc C, sinh ngày 26/8/2009, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa cháu Trần Lâm Ngọc C, sinh ngày 26/8/2009 trình bày: Cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N ly hôn anh P. Về con chung: Giao cháu C cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu C. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị N và anh P là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh P đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn anh Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy giữa chị N và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị N và anh P là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị N yêu cầu ly hôn anh P, chị N cho rằng khi con chung được 03 tuổi thì anh chị ly thân cho đến nay; về phía anh P Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của anh chị, chứng tỏ rằng anh P không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không cố gắng hàn gắn tình cảm để đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Xét thấy thời gian ly

thân chị N và anh P không quan tâm, chăm sóc nhau, anh P cũng không đến thăm con chung, nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị N yêu cầu ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Trần Lâm Ngọc C, sinh ngày 26/8/2009 hiện tại chị N đang nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được nuôi cháu C và cháu C có nguyện vọng được sống chung với chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của cháu C và chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu C nên không xét.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị N khai không có.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng N.

- *Về hôn nhân*: Chị Lâm Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Văn P.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Lâm Ngọc C, sinh ngày 26/8/2009 cho chị Lâm Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Lâm Thị Hồng N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

2. Về án phí: Chị Lâm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010731 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã H, huyện C, Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh